

DOI: 10.58490/ctump.2025i91.4153

**NGHIÊN CỨU TÌNH HÌNH TẮY GIUN VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN
CỦA SINH VIÊN KHOA Y TẾ CÔNG CỘNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2025**

Thạch Thái Thảo Quyên, Trần Phương Ngọc, Tăng Thiên Lý, Huỳnh Thị Thùy Ngân,
Danh Thị Nhã Phương, Trần Nguyễn Du*
Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

*Email: 2153040030@student.ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 09/8/2025

Ngày phản biện: 18/9/2025

Ngày duyệt đăng: 25/9/2025

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Tỷ lệ nhiễm giun vẫn còn tiềm ẩn trong khi việc tuân thủ tẩy giun định kỳ còn hạn chế, cần thiết để tìm hiểu tình hình tẩy giun của sinh viên khối ngành sức khỏe. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tỷ lệ tẩy giun và các yếu tố liên quan của sinh viên khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2025. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả kết hợp phân tích trên 378 sinh viên khoa Y tế công cộng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. **Kết quả:** Tỷ lệ đã tẩy giun của sinh viên khoa Y tế công cộng là 92,0%, tẩy giun định kỳ trong 12 tháng qua chiếm tỷ lệ 47,7%. Có mối liên quan giữa tẩy giun định kỳ với nhóm tuổi từ 22-24, ≥ 25 ; với năm học là năm 3, năm 4 và năm 6; với nghề nghiệp của cha là cán bộ công chức, nghỉ hưu; tìm hiểu hay theo dõi thông tin về tẩy giun định kỳ và kiến thức chung. **Kết luận:** Tỷ lệ tẩy giun ở sinh viên khoa Y tế công cộng cao, nhưng tẩy giun định kỳ tương đối thấp. Cần tích cực lồng ghép nội dung giáo dục về lợi ích của tẩy giun vào các hoạt động truyền thông và chương trình chăm sóc sức khỏe, nâng cao ý thức và phòng bệnh của sinh viên.

Từ khóa: Tẩy giun, tẩy giun định kỳ, sinh viên, khoa Y tế công cộng, Cần Thơ.

ABSTRACT

**STUDY ON THE DEWORMING STATUS AND RELATED FACTORS
AMONG PUBLIC HEALTH FACULTY STUDENTS
AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN 2025**

Thach Thai Thao Quyen, Tran Phuong Ngoc, Tang Thien Ly, Huynh Thi Thuy Ngan,
Danh Thi Nha Phuong, Tran Nguyen Du*
Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: The persistent risk of helminth infection, coupled with limited adherence to routine deworming, underscores the critical need to assess deworming practices and their related factors among health sciences students. **Objectives:** To determine the deworming rate and related factors among students of the Faculty of Public Health, Can Tho University of Medicine and Pharmacy in 2025. **Materials and method:** A descriptive cross-sectional study combined with analysis was conducted on 378 students from the Faculty of Public Health, Can Tho University of Medicine and Pharmacy. **Results:** The deworming rate among students of the Faculty of Public Health was 92.0%, with regular deworming accounting for 47.7%. There was an association between regular deworming and age groups 22-24 and ≥ 25 ; with academic years 3, 4, and 6; with father's occupation being civil servant or retired; seeking or monitoring information about regular deworming; and general knowledge. **Conclusion:** The deworming rate among students of the Faculty of Public Health was high, but the rate of regular deworming was relatively low. It is

necessary to actively integrate educational content on the benefits of deworming into communication activities and healthcare programs to raise students' awareness and disease prevention.

Keywords: Deworming, regular deworming, students, Faculty of Public Health, Can Tho.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Các bệnh do giun truyền qua đất vẫn là một thách thức đối với y tế công cộng toàn cầu, đặc biệt tại các quốc gia có khí hậu nhiệt đới và cận nhiệt đới. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), ước tính có khoảng 1,5 tỉ người (tương đương 24% dân số thế giới) bị nhiễm các loại giun này [1]. Mặc dù một nghiên cứu về Gánh nặng Bệnh tật Toàn cầu cho thấy xu hướng nhiễm bệnh đã giảm, nhưng đến năm 2021, vẫn còn khoảng 642,72 triệu ca trên toàn thế giới [2]. Tại Việt Nam, với điều kiện khí hậu và các tập quán sinh hoạt, ăn uống đặc thù, tình hình nhiễm ký sinh trùng vẫn còn phổ biến. Một nghiên cứu tại Cần Thơ năm 2022 cho thấy tỉ lệ nhiễm ký sinh trùng chung ở bệnh nhân đến khám và điều trị tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ là 58,2% [3]. Trong nhóm sinh viên, các nghiên cứu cũng cho thấy những kết quả khác biệt. Một khảo sát năm 2022-2023 tại Trường Đại học Cửu Long cho thấy tỉ lệ nhiễm giun sán chung ở sinh viên khối khoa học sức khỏe là 13,7% [4]. Một nghiên cứu khác trong cùng giai đoạn 2022-2023 trên sinh viên năm thứ nhất tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ lại cho kết quả rất thấp, với tỉ lệ nhiễm giun móc chỉ là 1,3% và không phát hiện các trường hợp nhiễm giun sán khác [5]. Thực trạng trên cho thấy tỉ lệ nhiễm giun sán vẫn luôn tiềm ẩn trong cộng đồng. Do đó, việc tẩy giun định kỳ là một trong những biện pháp phòng bệnh đơn giản và hữu hiệu nhất. Tuy nhiên, việc tuân thủ khuyến cáo này trong thực tế vẫn còn hạn chế. Một nghiên cứu năm 2021 tại Cần Thơ cho thấy chỉ có 57,1% học sinh trung học cơ sở thực hiện tẩy giun định kỳ [6]. Tẩy giun định kỳ là một biện pháp y tế dự phòng được Bộ Y tế Việt Nam triển khai nhằm mục tiêu giảm tỉ lệ nhiễm giun truyền qua đất trong cộng đồng. Tần suất tẩy giun được xác định dựa trên tỉ lệ lưu hành giun trong cộng đồng và thời gian triển khai chương trình: tại vùng có tỉ lệ nhiễm $\geq 50\%$, việc tẩy giun được thực hiện 2-3 lần mỗi năm; trong khi đó, nếu tỉ lệ nhiễm $< 20\%$, có thể không cần tẩy giun đại trà. Hoạt động này đã được chứng minh là có hiệu quả trong việc làm giảm tỉ lệ nhiễm giun và cải thiện sức khỏe cộng đồng, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả của các chương trình dinh dưỡng và giáo dục sức khỏe [7]. Sự chênh lệch về tỉ lệ nhiễm bệnh giữa các nghiên cứu và tỉ lệ tuân thủ tẩy giun chưa cao đặt ra yêu cầu cần tìm hiểu sâu hơn về kiến thức, thái độ và các yếu tố liên quan đến hành vi phòng bệnh của sinh viên, đặc biệt là sinh viên khối ngành sức khỏe. Xuất phát từ những vấn đề trên, chúng tôi tiến hành thực hiện đề tài: “Nghiên cứu tình hình tẩy giun và các yếu tố liên quan của sinh viên Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2025” với các mục tiêu: Xác định tình hình tẩy giun và một số yếu tố liên quan tới việc tẩy giun của sinh viên Khoa Y tế công cộng, nhằm cung cấp những số liệu khoa học cập nhật, từ đó đề xuất các giải pháp can thiệp phù hợp.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên khoa Y tế công cộng trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2025.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Sinh viên đang theo học từ năm 1 đến năm 6 Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Sinh viên vắng mặt trong thời gian thu thập số liệu. Sinh viên không điền đầy đủ phiếu thu thập thông tin ($\leq 50\%$).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả kết hợp phân tích

- **Cỡ mẫu:** Sử dụng công thức tính cỡ mẫu cho nghiên cứu tính một tỉ lệ: $n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$. Trong đó khoảng sai lệch ($d=0,05$), $p=0,57$ theo nghiên cứu tình hình tẩy giun định kỳ và các yếu tố liên quan đến việc tẩy giun ở học sinh trung học cơ sở quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ năm 2021 là 57% [2]. Với $\alpha = 0,05$ thì $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$. Suy ra cỡ mẫu nghiên cứu $n = 378$.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu toàn bộ. Chọn toàn bộ sinh viên ngành Y học dự phòng và Y tế công cộng tham gia nghiên cứu.

- **Công cụ và phương pháp thu thập dữ liệu:** Bộ câu hỏi được thiết kế theo nội dung phù hợp với đối tượng nghiên cứu. Dữ liệu thu thập bằng cách cho sinh viên tự điền vào bộ câu hỏi được gửi qua email. Có 71,57% câu trả lời trên tổng số sinh viên đã gửi bộ câu hỏi.

- **Phương pháp xử lý số liệu:** Số liệu được xử lý và phân tích bằng SPSS 20.0. Sử dụng test thống kê χ^2 để xác định sự khác biệt về hai hay nhiều tỉ lệ, trong trường hợp số liệu không đáp ứng điều kiện sử dụng test χ^2 thì sử dụng Fisher's Exact Test. Xác định các yếu tố liên quan bằng phân tích đơn biến. Xác định sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa $p < 0,05$.

- **Nội dung nghiên cứu:** Tẩy giun là quá trình sử dụng thuốc để loại bỏ các loại ký sinh trùng đường ruột, đặc biệt là giun sán, nhằm giảm tỉ lệ nhiễm và ngăn ngừa các biến chứng sức khỏe liên quan. Tình hình tẩy giun: tỉ lệ tẩy giun, tần suất tẩy giun trong 12 tháng qua, khoảng cách thời gian tẩy giun trong 12 tháng qua, lý do chưa từng tẩy giun.

Các yếu tố liên quan: đặc điểm của sinh viên (giới, tuổi, năm học, ngành học, nơi ở hiện tại), nghề nghiệp của cha mẹ, trình độ học vấn của cha mẹ, kinh tế gia đình, tìm hiểu thông tin tẩy giun, kiến thức chung về tẩy giun định kỳ. Tìm hiểu thông tin tẩy giun được định nghĩa là quá trình chủ động tìm hiểu thông tin để có được sự hiểu biết về tẩy giun. Kiến thức chung đúng được định nghĩa là số điểm về của mỗi sinh viên đạt 5/9 điểm (gồm: biết việc tẩy giun định kỳ là cần thiết, tần suất tẩy giun trong 12 tháng, thuốc tẩy giun, thời điểm thích hợp nhất cho việc tẩy giun, biết cách uống thuốc tẩy giun đúng, lợi ích của việc tẩy giun định kỳ, biết việc không tẩy giun định kỳ có ảnh hưởng đến sức khỏe, đối tượng cần được tẩy giun định kỳ, đối tượng chống chỉ định với thuốc tẩy giun).

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu đã được sự đồng ý của Hội đồng y đức trong nghiên cứu y sinh học Trường Đại học Y Dược Cần Thơ theo văn bản số 24.153.SV/PCT-HĐĐĐ ngày 09 tháng 11 năm 2024 Các đối tượng có quyền từ chối tham gia nghiên cứu hoặc có thể chấm dứt nghiên cứu trong bất kỳ giai đoạn nào. Mọi thông tin của đối tượng đều được bảo mật, hoàn toàn dành cho mục đích nghiên cứu và chỉ người có trách nhiệm được tiếp cận.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung đối tượng nghiên cứu

Tỉ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu ở nhóm tuổi từ 19-21 chiếm đa số (51,3%), nhóm tuổi ≥ 25 chiếm tỉ lệ thấp nhất (8,2%). Tỉ lệ giới tính ở nữ chiếm đa số khoảng 73,8%. Sinh viên năm hai tham gia nghiên cứu chiếm tỉ lệ 24,6%, năm sáu chiếm tỉ lệ 16,7%, số sinh viên năm nhất và năm ba chiếm tỉ lệ ngang nhau (17,5%). Số sinh viên ngành Y học dự phòng tham gia nghiên cứu chiếm tỉ lệ đa số 78,3%. Đa số sinh viên không theo tôn giáo

nào chiếm 86,0%. Số sinh viên sống ở nhà trọ chiếm tỉ lệ cao nhất 70,1%. Sinh viên có cha làm nông dân chiếm tỉ lệ cao nhất là 35,7% và chiếm tỉ lệ thấp nhất là công nhân với 4,2%. Nghề nghiệp của mẹ chiếm tỉ lệ cao nhất là nội trợ với 27,2%, thấp nhất là nghề nghiệp khác với tỉ lệ 2,1%. Trình độ học vấn của cha chiếm cao nhất là trên trung học phổ thông với 38,9% và thấp nhất là dưới tiểu học với 5,3%. Trình độ học vấn của mẹ chiếm cao nhất là trên trung học phổ thông với 33,0% và thấp nhất là dưới tiểu học với 5,6%. Đa phần đối tượng có tình trạng kinh tế gia đình thuộc diện không nghèo chiếm tỉ lệ 98,9%.

3.2. Tình hình tẩy giun

Bảng 1. Tình hình tẩy giun

Nội dung	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Tỉ lệ tẩy giun của đối tượng nghiên cứu (n=378)		
Đã từng	348	92,0
Chưa từng	4	1,1
Không nhớ	26	6,9
Tổng	378	100,0
Tần suất tẩy giun của sinh viên trong 12 tháng qua (n=348)		
Không lần nào	125	35,9
1 lần	48	13,8
≥ 2 lần (tẩy giun định kỳ)	166	47,7
Không nhớ	9	2,6
Tổng	348	100,0

Nhận xét: 92,0% sinh viên đã từng tẩy giun, tỉ lệ chưa từng tẩy giun là 1,1%. Số sinh viên tẩy giun định kỳ chiếm đa số với 47,7%.

3.3. Một số yếu tố liên quan đến tẩy giun

Bảng 2. Các yếu tố liên quan tới tẩy giun định kỳ (n=166)

Yếu tố liên quan		Tẩy giun định kỳ				OR (KTC 95%)	p
		Có		Không			
		n	%	n	%		
Tuổi	19 - 21	66	34,0	128	66,0	1	-
	22 – 24	82	53,6	71	46,4	2,240 (1,450 – 3,460)	<0,001
	≥ 25	18	58,1	13	41,9	2,685 (1,240 – 5,816)	0,010
Năm học	Năm 1	18	27,3	48	72,7	1	-
	Năm 2	31	33,3	62	66,7	1,333 (0,667 - 2,664)	0,415
	Năm 3	35	53,0	31	47,0	3,011 (1,457 - 6,223)	0,003
	Năm 4	28	57,1	21	42,9	3,556 (1,625 - 7,782)	0,001
	Năm 5	18	43,9	23	56,1	2,087 (0,918 - 4,743)	0,077
	Năm 6	36	57,1	27	42,9	3,556 (1,702 - 7,426)	0,001
	Công nhân	4	25,0	12	72,0	1	-

Yếu tố liên quan		Tẩy giun định kỳ				OR (KTC 95%)	p
		Có		Không			
		n	%	n	%		
Nghề nghiệp của cha	Cán bộ công chức	53	51,5	50	48,5	3,180 (0,962 - 10,513)	0,049
	Nông dân	58	43,0	77	57,0	2,260 (0,693 - 7,367)	0,167
	Buôn bán	23	37,7	38	62,3	1,816 (0,523 - 6,303)	0,343
	Nghỉ hưu	15	65,2	8	34,8	5,625 (1,359 - 23,274)	0,013
	Khác	13	32,5	27	67,5	1,444 (0,389 - 5,358)	0,581
Tìm hiểu hay theo dõi thông tin về tẩy giun định kỳ	Có	136	51,3	129	48,7	2,917 (1,801 - 4,723)	<0,001
	Không	30	26,5	83	73,5		
Kiến thức chung	Đúng	133	51,4	126	48,6	2,751 (1,720 – 4,399)	<0,001
	Chưa đúng	33	27,7	86	72,3		

Nhận xét: Tẩy giun định kỳ của sinh viên có mối liên quan với tuổi, năm học, nghề nghiệp của cha, tìm hiểu hay theo dõi thông tin về tẩy giun định kỳ, kiến thức chung.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Tỷ lệ tẩy giun ở sinh viên khoa Y tế công cộng trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2025

Tỷ lệ đã tẩy giun ở sinh viên khoa Y tế công cộng trường Đại học Y dược Cần Thơ là 92,0%. Nhìn chung, tỷ lệ tẩy giun ở đối tượng sinh viên chiếm khá cao. Kết quả này tương tự với nghiên cứu của Bùi Thị Hồng Hoa tại Thái Bình với tỷ lệ tẩy giun đạt khoảng 83,6% [8]. Trong nghiên cứu của Bijit và cộng sự, tỷ lệ tẩy giun của thanh thiếu niên tại một huyện ở Ấn Độ chiếm 67,9% [9]. Điều này có thể được lý giải rằng sinh viên ngành khoa học sức khỏe sẽ nhận thức chăm sóc sức khỏe bản thân trong việc phòng ngừa cũng như đảm bảo sức khỏe khi thực hành ở các bệnh viện, cơ sở y tế. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi có tỷ lệ tẩy giun cao hơn các nghiên cứu trên xuất phát từ đặc điểm đối tượng và khu vực khác nhau dẫn đến tỷ lệ tẩy giun có sự chênh lệch. Nhờ có chính sách tuyên truyền vận động của chính quyền và cán bộ Y tế mà tỷ lệ tẩy giun của Bùi Thị Hồng Hoa khảo sát trên người dân tỉnh Thái Bình đạt được tỷ lệ khả quan, nghiên cứu của Bijit trên thanh thiếu niên đi học từ 12 - 18 tuổi tại Ấn Độ có tỷ lệ thấp do thuốc tẩy giun không được cung cấp đều đặn ở hầu hết các trường trong nghiên cứu.

Theo chương trình “Tẩy giun cộng đồng 6116” do Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương phát động trên toàn quốc từ năm 2014 nên tẩy giun 2 lần mỗi năm để bảo vệ sức khỏe gia đình [10]. Kết quả của chúng tôi, sinh viên có tần suất tẩy giun định kỳ chiếm tỷ lệ 47,7%. Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thanh Bình tại bệnh viện trường Đại học Trà Vinh với tỷ lệ 37,4% [11], Paul Eze với tỷ lệ tẩy giun định kỳ ở trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo 2-5 tuổi tại Nigeria chiếm khoảng 42% [12], nghiên cứu của Suman Chakrabarti và cộng sự có tỷ lệ tẩy giun định kỳ trung bình tại Ấn Độ chiếm 43,4% [13]. Ngược lại, tỷ lệ tẩy giun định kỳ trong nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn so với nghiên cứu của Lê Hoàng Hiếu với tỷ lệ tẩy giun định kỳ học sinh trung học cơ sở tại quận Bình Thủy là

57,1% [6], cũng thấp hơn nghiên cứu của Stanley CN với tỉ lệ tẩy giun định kỳ tại cộng đồng Alakahia, bang Rivers, Nigeria là 52,4% [14]. Nghiên cứu của Paul Eze khảo sát trên trẻ em từ 2-5 tuổi tại Nigeria chiếm tỉ lệ thấp do chiến lược tẩy giun hàng loạt cho trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo không được biết đến rộng rãi dẫn đến hạn chế về kiến thức chuyên môn về nguy cơ và gánh nặng của bệnh chưa đầy đủ, nghiên cứu của Suman Chakrabarti thực hiện trên đối tượng từ 1-19 tuổi ở Ấn Độ có tỉ lệ thấp đặc biệt là ở trẻ nhỏ và thanh thiếu niên không được đến trường. Ở nghiên cứu của Nguyễn Thanh Bình với đối tượng phụ nữ mang thai chiếm tỉ lệ thấp hơn do việc chăm sóc con nhỏ và công việc hàng ngày làm họ không có thời gian quan tâm đến sức khỏe của bản thân. Trong khi đó ở nghiên cứu của Lê Hoàng Hiếu do có mối liên quan đến người sống cùng là cha mẹ, kiến thức về xổ giun định kỳ đối với hành vi xổ giun định kỳ nên cha mẹ cũng ít nhiều nhắc nhở con mình thực hiện tẩy giun định kỳ. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu của Stanley CN cho thấy mức thu nhập, tên thương hiệu và giá cả của thuốc tẩy giun đã góp phần vào việc tuân thủ tẩy giun. Do đó cũng phần nào lý giải vì sao tỉ lệ tẩy giun định kỳ của các nghiên cứu này cao hơn nghiên cứu của chúng tôi.

4.2. Một số yếu tố liên quan đến tẩy giun ở sinh viên khoa Y tế công cộng trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2025

Có mối liên quan giữa tuổi với tẩy giun định kỳ, nhóm sinh viên từ 22 - 24 tuổi có tỉ lệ tẩy giun định kỳ cao gấp 2,240 lần so với nhóm sinh viên từ 19 - 21 tuổi. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$. Ngoài ra, nhóm sinh viên từ 25 tuổi trở lên cũng có tỉ lệ cao gấp 2,685 lần so với nhóm sinh viên từ 19 - 21 tuổi. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p = 0,01 < 0,05$. Có thể lý giải rằng sinh viên đã học các môn chuyên ngành, có thêm thông tin để củng cố và trang bị kiến thức về tẩy giun. Ngoài ra, sinh viên đã đi cộng đồng tại các địa phương, tiếp xúc và hướng dẫn mọi người về các thông tin liên quan đến tẩy giun từ đó mà việc tẩy giun được thực hiện định kỳ. Bên cạnh đó, sinh viên từ 22 trở lên có thể tự quản lý sức khỏe bản thân như tự bản thân mua thuốc tẩy giun từ đó mà chủ động hơn trong việc chăm sóc sức khỏe, như kiến quả của chúng tôi nghiên cứu có 53,6% sinh viên từ 22-24 tuổi và 58,1% sinh viên từ 25 tuổi trở lên có tẩy giun định kỳ. Ở một nghiên cứu của Tào Gia Phú, nhận thấy tỉ lệ bệnh do nhiễm ấu trùng giun đũa chó mèo tăng theo tuổi, cụ thể tỉ lệ bệnh trong nhóm 18-30 tuổi là 37,33%, tăng lên 43,70% ở nhóm 31-39 tuổi, 50% ở nhóm 40-60 tuổi, và 50,83% ở nhóm trên 60 tuổi; tỉ lệ không dùng thuốc tẩy giun định kỳ (49,75%) cao hơn có dùng thuốc tẩy giun định kỳ (41,40%) ở những người có bệnh, và tỉ lệ những người có dùng thuốc tẩy giun định kỳ không mắc bệnh chiếm 58,60%. Qua đó, chúng tôi thấy rằng việc tẩy giun định kỳ rất cần thiết trong việc góp phần giảm tỉ lệ nhiễm ký sinh trùng [15].

Năm học có mối liên quan với tẩy giun định kỳ, nhóm sinh viên năm 3 có tỉ lệ tẩy giun định kỳ cao gấp 3,011 lần so với sinh viên năm 1. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p = 0,003 < 0,05$. Cùng với đó, nhóm sinh viên năm 4 và năm 6 cũng có tỉ lệ tẩy giun định kỳ cao gấp 3,556 lần so với sinh viên năm 1, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p = 0,001 < 0,05$. Cụ thể, sinh viên năm 3, năm 4 và năm 6 có tỉ lệ tẩy giun định kỳ lần lượt là 53,0%, 57,1% và 57,1%. Sinh viên đã hiểu rõ về chu trình, nguy cơ và hiệu quả của biện pháp tẩy giun định kỳ góp phần thúc đẩy sinh viên hành động dựa vào kiến thức đã học cùng với đó là được phân công đi thực tập, điều tra dịch tễ tại các địa phương. Đặc biệt, sinh viên năm cuối sẽ quan tâm đến sức khỏe cá nhân để chuẩn bị làm việc tại các cơ sở y tế, bệnh viện,...nên việc tẩy giun là một trong những ưu tiên để đảm bảo sức khỏe cá nhân.

Nghề nghiệp của cha với tẩy giun định kỳ của sinh viên có mối liên quan. Cụ thể, tỉ lệ tẩy giun định kỳ ở nhóm sinh viên có cha làm cán bộ công chức cao gấp 3,180 lần so với nhóm

sinh viên có cha làm công nhân. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, $p=0,049 < 0,05$. Bên cạnh đó, tỉ lệ tẩy giun định kỳ ở nhóm sinh viên có cha đã nghỉ hưu cao gấp 5,625 lần so với nhóm sinh viên có cha làm công nhân. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, $p=0,013 < 0,05$. Cán bộ công chức có trình độ học vấn, thu nhập ổn định giúp sinh viên dễ dàng có nhận thức tốt hơn về sức khỏe và có khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế như tẩy giun định kỳ. Cha mẹ đã nghỉ hưu có nhiều thời gian rảnh rỗi hơn để tìm hiểu các vấn đề sức khỏe, hoặc tham gia các chương trình truyền thông sức khỏe tại địa phương (trạm y tế phường/xã, hội người cao tuổi...). Trong khi đó, công nhân thường làm việc theo ca kíp, tăng ca, dẫn đến thiếu thời gian để quan tâm và hướng dẫn con cái về chăm sóc sức khỏe, bao gồm tẩy giun. Theo nghiên cứu của Tào Gia Phú ghi nhận tỉ lệ nhiễm bệnh giảm dần khi trình độ học vấn tăng lên và nhóm nông dân có nguy cơ cao nhất trong các nhóm nghề nghiệp. Điều này cũng tương xứng với nghiên cứu của chúng tôi trong việc phản ánh sự khác biệt về trình độ học vấn có thể sẽ dẫn đến sự khác biệt trong việc thu nhận các kiến thức và hành vi về phòng bệnh [15].

Có mối liên quan giữa việc sinh viên tìm hiểu hay theo dõi thông tin về tẩy giun định kỳ với tình hình tẩy giun định kỳ. Nhóm sinh viên có tìm hiểu hay theo dõi thông tin thực hiện tẩy giun định kỳ cao gấp 2,917 lần so với không tìm hiểu hay theo dõi. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$. Mặc dù sinh viên đều thuộc lĩnh vực y tế, nhưng sự chủ động tìm hiểu và theo dõi thông tin vẫn đóng vai trò quyết định trong việc hình thành cũng như duy trì thói quen tẩy giun định kỳ. Khi có sự chủ động tìm hiểu hay theo dõi một vấn đề sẽ giúp não bộ nhớ về việc đó lâu hơn và dẫn đến thực hiện hành vi liên quan nhiều hơn. Do đó, việc chủ động hoặc thường xuyên tìm hiểu hay theo dõi thông tin về tẩy giun định kỳ có ý nghĩa quan trọng với sinh viên. Trong nghiên cứu của Tào Gia Phú ghi nhận những người có quan điểm tẩy giun cho chó mèo có tỉ lệ nhiễm bệnh (41,27%) thấp hơn so với những người không biết (55,80%) [15]. Qua đây, có thể nhận ra rằng mức độ quan tâm đến vấn đề tẩy giun cao hơn thì sẽ có tác động tích cực đến hành vi tẩy giun định kỳ.

Kiến thức chung có mối liên quan với việc tẩy giun định kỳ. Cụ thể, nhóm sinh viên có kiến thức chung đúng cao gấp 2,751 lần so với nhóm sinh viên có kiến thức chung chưa đúng. Kết quả này tương đồng với Lê Hoàng Hiếu (2021) học sinh trung học cơ sở có kiến thức đúng thực hiện tẩy giun định kỳ cao gấp 3,825 lần so với nhóm còn lại, $p < 0,001$ [6]. Bên cạnh đó, Lê Thị Hồng Hương (2018) nghiên cứu trên đối tượng bà mẹ có con từ 12 - 60 tháng tuổi tại Cần Thơ cũng ghi nhận rằng thực hành đúng của những bà mẹ có kiến thức chung đúng cao gấp 1,603 lần so với nhóm còn lại, $p=0,034 < 0,05$ [16]. Như vậy, bất kể độ tuổi hay vai trò trong gia đình, kiến thức đúng đều là yếu tố nền tảng quyết định hành vi dự phòng bệnh giun sán.

V. KẾT LUẬN

Tỉ lệ sinh viên Khoa Y tế công cộng trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã từng tẩy giun là 92,0%, trong đó có 47,7% tẩy giun định kỳ. Có mối liên quan giữa tuổi, năm học, kiến thức về tẩy giun định kỳ đối với tẩy giun định kỳ ($p < 0,05$). Các nhà quản lý giáo dục cấp trường cũng như các cơ sở đào tạo đại học nói chung cần cần nhắc việc tích hợp nội dung giáo dục về lợi ích của tẩy giun định kỳ vào các chương trình truyền thông và hoạt động giáo dục sức khỏe dành cho sinh viên.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu xin chân thành cảm ơn Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài theo Quyết định giao thực hiện số 4618 /QĐ-ĐHYDCT ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. World Health Organization (WHO). *Global Summit on Soil-Transmitted Helminthiasis*. 2023.
2. Jin Chen, Yanfeng Gong, Qin Chen, Shizhu Li and Yibiao Zhou. Global burden of soil-transmitted helminth infections, 1990-2021. *Infectious Diseases of Poverty*. 2024. 13:77, 1-10. <https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/39444403>.
3. Sơn Thị Tiến, Phan Hoàng Đạt, Lý Quốc Trung, Nguyễn Tấn Đạt. Nghiên cứu tình hình nhiễm ký sinh trùng và một số yếu tố liên quan trên bệnh nhân đến khám và điều trị tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2022. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*. 2022. 55. 207-213.
4. Nguyễn Thị Cẩm Hồng, Sơn Thị Tiến, Phạm Thị Ngọc Nga, Trần Linh Sơn. Tình hình nhiễm và một số yếu tố liên đến nhiễm giun sán trên sinh viên khoa khoa học sức khỏe tại Trường Đại học Cửu Long 2022-2023. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2023. 529(1B).
5. Lê Thị Cẩm Ly, Danh Thanh Nhân, Nguyễn Lê Như Phúc, Nguyễn Trần Thanh Thảo, Đặng Nhật Nam. Nghiên cứu tình hình nhiễm giun sán ở sinh viên năm thứ nhất tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2022-2023. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*. 2024. 72, 110-116.
6. Lê Hoàng Hiếu, Lê Minh Hữu, Lâm Nhựt Anh, Nguyễn Dương Mỹ Trinh, Khưu Quang Hiệp và cộng sự. Tình hình xổ giun định kỳ và các yếu tố liên quan ở học sinh tại một số trường trung học cơ sở trên địa bàn quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ năm 2021. *Tạp chí Y dược học Cần Thơ*. 2024. 70, 61-67.
7. Bộ Y tế. Quyết định về việc ban hành Hướng dẫn tẩy giun đường ruột tại cộng đồng. 2018. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Quyết-dinh-6437-QĐ-BYT-2018-Huong-dan-tay-giun-duong-ruot-tai-cong-dong-397976.aspx>.
8. Bùi Thị Hồng Hoa, Phạm Anh Tuấn, Tô Thị Thanh Nga, Lê Văn Dũng. Thực trạng kiến thức, thực hành sử dụng thuốc điều trị giun, sán và một số yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thuốc của người dân thôn Tổng Vũ, Vũ Chính, TP Thái Bình năm 2019. *Tạp chí Y học Thực hành*. 2019. 10, 1113.
9. Bijit. B, Anuradha. G, G Jahnavi, Richa, Pratima. G *et al*. Barriers, Facilitators of Iron and Folic Acid Supplementation, and Deworming Program among School-Going Adolescents of Deoghar, Jharkhand, India: A Mixed-Methods Study. *Korean Journal of Family Medicine*. 2024. 45(5), 274-282. <https://pmc.ncbi.nlm.nih.gov/articles/PMC11427224>.
10. Khánh Ly. Tẩy giun định kỳ 2 lần mỗi năm để bảo vệ sức khỏe gia đình. *Tạp chí nâng cao sức khỏe*. 2015. 6(34), tr. 39-40.
11. Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Hồng Tuyền, Lê Minh Hữu, Nguyễn Tấn Đạt, Huỳnh Quốc Sĩ. Kiến thức, thái độ và hành vi phòng bệnh giun đũa chó, mèo ở người tại Bệnh viện trường Đại học Trà Vinh. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*. 2023. 62, 16.
12. Eze. P., Agu. U. J., Aniebo. C. L., Agu. S. A., & Lawani. L. O. Perception and attitudinal factors contributing to periodic deworming of preschool children in an urban slum, Nigeria. 2020. *BMC public health*. 20(1), 1839. <https://doi.org/10.1186/s12889-020-09958-x>.
13. Chakrabarti. S., Ajjampur. S. S. R., Waddington. H. S., Kishore. A., Nguyen. P. H. *et al*. S. Deworming and micronutrient status by community open defecation prevalence: An observational study using nationally representative data from India, 2016-2018. *PLoS medicine*. 2024. 21(5), e1004402. <https://journals.plos.org/plosmedicine/article?id=10.1371/journal.pmed.1004402>.
14. Stanley C.N. , Oreh N.C. and Johnson-Ajinwo R.O. Knowledge, Attitudes and Practices of intermittent deworming in Alakahia Community, Rivers State, Nigeria. *International Research Journal of Medical Sciences*. 2013 1(7), 1-7. <https://www.researchgate.net/publication/260243984>.
15. Tào Gia Phú. Một số đặc điểm dịch tễ học nhiễm ấu trùng giun đũa chó/mèo ở người KHMER trưởng thành tỉnh Trà Vinh và hiệu quả can thiệp truyền thông. Luận án tiến sĩ y học. 2025.
16. Lê Thị Hồng Hương. Nghiên cứu kiến thức và thực hành tẩy giun định kỳ của bà mẹ có con từ 12-60 tháng tuổi ở quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ năm 2017. Luận văn tốt nghiệp Bác sĩ y học dự phòng. Trường Đại học Y dược Cần Thơ. 2018.